

CÔNG TY CỔ PHẦN 397
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 32



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 397 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Đình Kỳ	Chủ tịch
Ông Kiều Văn Sinh	Thành viên
Ông Phạm Xuân Huyền	Thành viên
Ông Văn Trung Tuyền	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Bùi Quang Hưng	Trưởng ban	
Ông Mai Xuân Trường	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Luân	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 18/04/2025)
Ông Trần Tiến Trung	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký	
Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 18/04/2025)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Kiều Văn Sinh	Giám đốc
Ông Trần Văn Kiên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Xuân Huyền	Phó Giám đốc
Ông Phan Đức Trung	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Nguyễn Đình Thuận.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Kiều Văn Sinh

Giám đốc

Quảng Ninh, Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Số: 223 /2026/UHYHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 397

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 397 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 397 tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2026

**CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**



HOÀNG ĐÌNH HẢI – Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2023-112-1

TRẦN HỒNG GIANG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3893-2022-112-1

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.012.382.592	36.094.511.582
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.560.722.777	327.266.766
Tiền	111		1.560.722.777	327.266.766
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.735.159.648	15.657.375.904
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	41.102.763	252.573.048
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	932.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	20.694.056.885	14.472.802.856
Hàng tồn kho	140		10.092.634.419	8.843.253.043
Hàng tồn kho	141	7	10.092.634.419	8.843.253.043
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.623.865.748	11.266.615.869
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	9.623.865.748	11.266.615.869
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		169.667.331.338	248.844.279.745
Các khoản phải thu dài hạn	210		47.551.985.840	41.730.374.443
Phải thu dài hạn khác	216	6	47.551.985.840	41.730.374.443
Tài sản cố định	220		41.975.748.422	62.086.321.465
Tài sản cố định hữu hình	221	9	41.975.748.422	62.086.321.465
- Nguyên giá	222		222.112.460.728	233.734.229.325
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(180.136.712.306)	(171.647.907.860)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	-
- Nguyên giá	228		92.499.999	347.323.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(92.499.999)	(347.323.529)
Tài sản dở dang dài hạn	240		587.524.074	3.428.260.990
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	587.524.074	3.428.260.990
Tài sản dài hạn khác	260		79.552.073.002	141.599.322.847
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	79.552.073.002	141.599.322.847
TỔNG TÀI SẢN	270		211.679.713.930	284.938.791.327

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		135.028.065.982	206.738.969.686
Nợ ngắn hạn	310		89.598.212.436	167.808.719.669
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	42.037.730.268	72.357.128.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	15.416.145.598	10.198.763.636
Phải trả người lao động	314		16.928.243.250	14.373.785.147
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	402.668.276	337.472.122
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.000.000	120.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	13.652.415.962	69.213.019.038
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.041.009.082	1.208.550.794
Nợ dài hạn	330		45.429.853.546	38.930.250.017
Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	45.429.853.546	38.930.250.017
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		76.651.647.948	78.199.821.641
Vốn chủ sở hữu	410	17	76.370.252.619	77.026.753.395
Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.000.000.000	57.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		57.000.000.000	57.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.370.252.619	20.026.753.395
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.370.252.619	20.026.753.395
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		281.395.329	1.173.068.246
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		281.395.329	1.173.068.246
TỔNG NGUỒN VỐN	440		211.679.713.930	284.938.791.327

Quảng Ninh, Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	975.818.667.889	1.070.572.594.480
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		975.818.667.889	1.070.572.594.480
Giá vốn hàng bán	11	18	905.254.362.499	959.306.222.579
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.564.305.390	111.266.371.901
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.587.480.864	1.374.103.949
Chi phí tài chính	22	20	1.139.535.471	4.872.807.350
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.139.535.471</i>	<i>4.872.807.350</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	47.403.720.303	81.636.785.206
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.608.530.480	26.130.883.294
Thu nhập khác	31		2.495.645.540	432.863.342
Chi phí khác	32		75.461.842	263.030.919
Lợi nhuận khác	40		2.420.183.698	169.832.423
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.028.714.178	26.300.715.717
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.658.461.559	6.273.962.322
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.370.252.619	20.026.753.395
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.719	2.811
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	25	2.719	2.811

Quảng Ninh, Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sinh

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		26.028.714.178	26.300.715.717
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		26.460.582.227	23.146.648.294
Các khoản dự phòng	03		6.499.603.529	6.309.811.223
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(2.777.425.999)	(1.374.103.949)
Chi phí lãi vay	06		1.139.535.471	4.872.807.350
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.351.009.406	59.255.878.635
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.323.981.821)	5.708.941.309
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.249.381.376)	(2.985.411.327)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(75.885.964.942)	(93.759.446.834)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		63.689.999.966	64.596.996.980
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.139.535.471)	(4.872.807.350)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.773.962.322)	(1.915.331.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	275.400.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(4.177.295.107)	(5.033.641.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.490.888.333	21.270.578.499
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.400.945.185)	(7.247.086.097)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.189.945.135	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.067.544	10.878.534

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.198.932.506)	(7.236.207.563)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.058.499.816)	(16.664.293.359)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.058.499.816)	(16.664.293.359)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.233.456.011	(2.629.922.423)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	327.266.766	2.957.189.189
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	1.560.722.777	327.266.766

Quảng Ninh, Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần 397 tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên 397 được thành lập theo Quyết định số 3138/QĐ-BQP ngày 24 tháng 08 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc chuyển xí nghiệp khai thác than 397 thuộc Tổng Công ty Đông Bắc thành Công ty TNHH Một thành viên 397. Công ty Cổ phần 397 (gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 5701435907 ngày 25/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, thay đổi lần thứ 6 ngày 18/07/2023, thay đổi lần thứ 7 ngày 06/11/2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty ngày 31/12/2024 là 57.000.000.000 đồng chia thành 5.700.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Đông Bắc góp 29.070.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 51%, các cổ đông khác góp 27.930.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49%.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 392 người (tại ngày 31/12/2024 là 403 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác và thu gom than.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Khai thác và thu gom than.

Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác và thu gom than bùn; Khai thác và thu gom than non; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải đường ống; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Sửa chữa thiết bị khác.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 37
- Máy móc, thiết bị	05 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí giải phóng mặt bằng Yên Thọ, chi phí dự án Nam Trảng Bạch, chi phí trả trước thuê thiết bị, khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí mua bảo hiểm thiết bị và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 đến 24 tháng.

Chi phí giải phóng mặt bằng Yên Thọ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Chi phí dự án Nam Trảng Bạch được phân bổ như sau: Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền cải tạo phục hồi môi trường phân bổ theo thời gian của giấy phép khai thác; Chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, các hạng mục của dự án thành phần đảm bảo nguồn nước và một số hạng mục khác được phân bổ theo sản lượng khai thác của dự án.

Chi phí trả trước thuê thiết bị đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 60 tháng.

Chi phí trả trước tiền thuê đất phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Chi phí mua bảo hiểm thiết bị được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian 12 tháng.

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (than cứng, than bùn, ...)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

3.13 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***3.15 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các Công ty thuộc Tổng Công ty và các Công ty con cùng Tổng Công ty.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	76.773.796	82.983.201
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.483.948.981	244.283.565
Cộng	1.560.722.777	327.266.766

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	41.102.763	-	252.573.048	-
- Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Môi Trường Xanh	25.377.763	-	-	-
- Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	-	-	152.937.648	-
- Công ty TNHH Thiết bị Vật tư Anh Tú	15.725.000	-	99.635.400	-
Cộng	41.102.763	-	252.573.048	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	20.694.056.885	-	14.472.802.856	-
- Phải thu về lãi tiền ký quỹ phục hồi môi trường	6.586.395.411	-	5.010.982.091	-
- Tạm thu tiền đền bù GPMB đối trừ tiền thuê đất Dự án Nam Trảng Bạch	6.413.446.260	-	8.551.261.680	-
- Phải thu Tổng Công ty Đồng Bắc	6.892.565.727	-	-	-
- Phải thu khác	801.649.487	-	910.559.085	-
Dài hạn	47.551.985.840	-	41.730.374.443	-
- Ký cược, ký quỹ	47.551.985.840	-	41.730.374.443	-
Cộng	68.246.042.725	-	56.203.177.299	-

Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	7.437.192.525	-	8.155.478.088	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.479.305.907	-	-	-
- Thành phẩm	176.135.987	-	687.774.955	-
Cộng	10.092.634.419	-	8.843.253.043	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	9.623.865.748	11.266.615.869		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.380.936.507	11.165.623.375		
- Chi phí mua bảo hiểm	242.929.241	100.992.494		
Dài hạn	79.552.073.002	141.599.322.847		
- Chi phí thuê nhà điều hành công trường	4.524.298.836	130.507.976		
- Chi phí trả trước khu nhà Văn phòng Yên Thọ	3.484.486.308	4.645.981.752		
- Chi phí giải phóng mặt bằng khu đất Văn phòng Yên Thọ	9.797.197.663	10.025.039.467		
- Chi phí dự án Nam Tràng Bạch	43.497.959.626	100.925.624.855		
- Chi phí thuê xe, máy	6.971.546.799	19.051.685.556		
- Chi phí trùng đại tu	10.794.267.612	5.583.368.604		
- Chi phí trả trước khác	482.316.158	1.237.114.637		
Cộng	89.175.938.750	152.865.938.716		

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện		Thiết bị		Cộng
	vật kiến trúc		thiết bị		vận tải, truyền dẫn		dung cụ quản lý		
	<u>VND</u>		<u>VND</u>		<u>VND</u>		<u>VND</u>		<u>VND</u>
01/01/2025	37.984.778.267	92.686.769.963	102.523.543.550	539.137.545	233.734.229.325				
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.256.170.370	19.870.076	5.770.341.655	-	7.046.382.101				
- Tăng do điều động	-	-	-	-	244.832.000				
- Phân loại lại	88.170.370	(88.170.370)	-	-	-				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(10.403.386.872)	(8.408.945.826)	(100.650.000)	(18.912.982.698)				
31/12/2025	39.329.119.007	82.215.082.797	99.884.939.379	683.319.545	222.112.460.728				

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

01/01/2025	(23.732.923.489)	(58.039.361.288)	(89.508.212.096)	(367.410.987)	(171.647.907.860)
- Khấu hao trong năm	(4.277.270.359)	(13.229.797.722)	(8.859.901.850)	(93.612.296)	(26.460.582.227)
- Hao mòn	(941.204.917)	-	-	-	(941.204.917)
- Phân loại lại	(106.150.333)	106.150.333	-	-	-
- Giảm do thanh lý	-	10.403.386.872	8.408.945.826	100.650.000	18.912.982.698
31/12/2025	(29.057.549.098)	(60.759.621.805)	(89.959.168.120)	(360.373.283)	(180.136.712.306)

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

01/01/2025	14.251.854.778	34.647.408.675	13.015.331.454	171.726.558	62.086.321.465
31/12/2025	10.271.569.909	21.455.460.992	9.925.771.259	322.946.262	41.975.748.422

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là: 72.391.905.804 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 66.441.869.763 VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	347.323.529	347.323.529
- Thanh lý, nhượng bán	(254.823.530)	(254.823.530)
31/12/2025	92.499.999	92.499.999
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2025	(347.323.529)	(347.323.529)
- Thanh lý, nhượng bán	254.823.530	254.823.530
31/12/2025	(92.499.999)	(92.499.999)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	-	-
31/12/2025	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 92.499.999 VND (Tại ngày 01/01/2025 là 347.323.529 VND)

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	<u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2025</u> <u>VND</u>
- Mua sắm	-	2.840.736.916
+ Lập báo cáo KTKT dự án đầu tư	-	226.851.852
+ Mua sắm xe ô tô bán tải Ford Ranger	-	761.326.545
+ Mua sắm xe ca chở công nhân (34 chỗ ngồi)	-	1.852.558.519
- Nạo vét, nâng cấp, xây dựng tuyến kênh xả sau tràn xả lũ hồ Khe Ươn I	587.524.074	587.524.074
Cộng	<u><u>587.524.074</u></u>	<u><u>3.428.260.990</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Khu Yên Lãng 1, Phường Mạo Khê, Tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	42.037.730.268	42.037.730.268	72.357.128.932	72.357.128.932
- Tổng Công ty Kinh tế KTCN Quốc phòng	18.301.355.969	18.301.355.969	17.169.034.605	17.169.034.605
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Vận tải Trung Nghĩa	8.909.389.153	8.909.389.153	16.976.186.734	16.976.186.734
- Công ty TNHH Liên doanh Gốm xây dựng Hoàng Qué Quang Ninh	1.301.641.000	1.301.641.000	-	-
- Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thái	1.157.900.616	1.157.900.616	1.552.795.939	1.552.795.939
- Cty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Châu	1.084.717.008	1.084.717.008	2.069.172.612	2.069.172.612
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bảo Trâm 368	942.270.880	942.270.880	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp và Thương mại Miền Bắc	909.005.261	909.005.261	-	-
- Công ty Cổ phần Việt Ý QN	884.423.880	884.423.880	3.090.677.256	3.090.677.256
- Công ty khác	8.547.026.501	8.547.026.501	31.499.261.786	31.499.261.786
Cộng	42.037.730.268	42.037.730.268	72.357.128.932	72.357.128.932

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	382.182.484	31.653.850.607	30.724.234.124	1.311.798.967
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.273.962.322	6.658.461.559	8.773.962.322	4.158.461.559
- Thuế thu nhập cá nhân	2.709.308	1.956.525.072	1.950.707.825	8.526.555
- Thuế tài nguyên	3.088.982.003	160.654.135.397	155.436.901.042	8.306.216.358
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	34.095.101	7.613.420.631	7.613.420.631	34.095.101
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	416.832.418	17.254.957.942	16.074.743.302	1.597.047.058
Cộng	10.198.763.636	225.794.351.208	220.576.969.246	15.416.145.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	402.668.276	337.472.122
- Chi phí động lực	295.759.564	257.366.319
- Trích trước chi phí phải trả nước thải công nghiệp	45.616.827	38.439.136
- Các khoản trích trước khác	61.291.885	41.666.667
Cộng	402.668.276	337.472.122

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	13.652.415.962	69.213.019.038
- Kinh phí công đoàn	979.529.700	975.033.185
- Tiền thuê đất	2.441.980.089	2.368.639.689
- Tổng Công ty Đông Bắc	-	44.239.743.154
- Cổ tức phải trả các cổ đông	19.635.930	61.135.746
- Phí cấp quyền KTKS TN333	1.909.645.132	13.908.940.308
- Phải trả các khoản thưởng CV, CNV	4.100.500.000	2.827.700.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.201.125.111	4.831.826.956
Cộng	13.652.415.962	69.213.019.038

Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn	45.429.853.546	38.930.250.017
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí hoàn nguyên môi trường dự án Nam Trảng Bạch)	45.429.853.546	38.930.250.017
Cộng	45.429.853.546	38.930.250.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỔI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	VND	VND	VND	Tổng cộng
01/01/2024	57.000.000.000	20.799.842.495	77.799.842.495	77.799.842.495
- Lãi trong năm trước	-	20.026.753.395	20.026.753.395	20.026.753.395
- Phân phối lợi nhuận	-	(20.799.842.495)	(20.799.842.495)	(20.799.842.495)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.161.542.495)	(4.161.542.495)	(4.161.542.495)
+ Chia cổ tức	-	(16.638.300.000)	(16.638.300.000)	(16.638.300.000)
31/12/2024	57.000.000.000	20.026.753.395	77.026.753.395	77.026.753.395
01/01/2025	57.000.000.000	20.026.753.395	77.026.753.395	77.026.753.395
- Lãi trong năm nay	-	19.370.252.619	19.370.252.619	19.370.252.619
- Phân phối lợi nhuận	-	(20.026.753.395)	(20.026.753.395)	(20.026.753.395)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(4.009.753.395)	(4.009.753.395)	(4.009.753.395)
+ Chia cổ tức	-	(16.017.000.000)	(16.017.000.000)	(16.017.000.000)
31/12/2025	57.000.000.000	19.370.252.619	76.370.252.619	76.370.252.619

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tổng Công ty Đông Bắc	29.070.000.000	29.070.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Quang Thành	11.400.000.000	11.400.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thố Huân	-	6.533.340.000
- Các cổ đông khác	16.530.000.000	9.996.660.000
Cộng	57.000.000.000	57.000.000.000

17.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2025	01/01/2025
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.700.000	5.700.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu phổ thông	5.700.000	5.700.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	975.818.667.889	1.070.572.594.480
- Doanh thu bán than	962.781.522.455	1.056.897.122.014
- Doanh thu bán đất đá thải mỏ, phế liệu	12.857.145.434	10.918.855.903
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	180.000.000	2.756.616.563
Cộng	975.818.667.889	1.070.572.594.480

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 30.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn bán than	893.589.524.474	946.985.639.296
- Giá vốn bán đất đá thải mỏ, phế liệu	11.664.838.025	9.563.966.720
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	2.756.616.563
Cộng	905.254.362.499	959.306.222.579

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.587.480.864	1.374.103.949
Cộng	1.587.480.864	1.374.103.949

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.139.535.471	4.872.807.350
Cộng	1.139.535.471	4.872.807.350

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	25.892.685.311	27.283.044.675
- Chi phí vật liệu quản lý	804.926.571	823.498.886
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.865.623.146	2.735.965.694
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.022.253.259	3.091.603.838
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.732.057.806	10.744.544.611
- Chi phí bằng tiền khác	6.086.174.210	36.958.127.502
Cộng	47.403.720.303	81.636.785.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thu tiền giảm 30% tiền thuê đất theo QĐ 2074/QNI	1.305.700.405	415.615.062
- Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.189.945.135	-
- Các khoản khác	-	17.248.280
Cộng	2.495.645.540	432.863.342

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Tiền chậm nộp thuế	75.461.842	76.391.991
- Giá trị tài sản bị thiệt hại bão số 3 (Bão Yagi)	-	186.638.928
Cộng	75.461.842	263.030.919

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.028.714.178	26.300.715.717
Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.263.593.615	5.069.095.894
- Chênh lệch khấu hao	7.080.131.773	4.571.015.743
- Tiền chậm nộp thuế GTGT T4+5 + tiền chậm nộp theo QĐ 13184 ngày 11/06/2025	75.461.842	-
- Tiền chậm nộp thuế TNCN từ T1-T5/2023	-	76.391.991
- Tiền thuế TN nước năm 2022-2023	-	318.188.160
- Tiền lương và phụ cấp HĐQT không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất	108.000.000	103.500.000
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	33.292.307.793	31.369.811.611
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	6.658.461.559	6.273.962.322
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	6.658.461.559	6.273.962.322

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	19.370.252.619	20.026.753.395
Các khoản điều chỉnh:		
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)</i>	3.874.050.524	4.005.350.679
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	5.700.000	5.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.719	2.811

(*) Năm 2025, Công ty đang tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2025.

27. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	227.491.390.974	229.682.375.563
- Chi phí nhân công	103.150.362.480	96.736.418.065
- Khấu hao tài sản cố định	26.460.582.227	23.146.648.294
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	324.657.416.622	363.990.101.338
- Chi phí bằng tiền khác	272.865.997.438	327.628.141.177
Cộng	954.625.749.741	1.041.183.684.437

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Trong năm, Công ty kinh doanh chủ yếu là than (chiếm trên 98% tổng doanh thu) và địa bàn hoạt động ở khu vực tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Công ty không tiến hành lập Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và nhận thấy thông tin bộ phận là không trọng yếu cho người sử dụng Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Đông Bắc	Công ty Mẹ
- Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ
- Trung tâm Giám định – Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	Đơn vị phụ thuộc Công ty Mẹ

Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<i>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>		
- Tổng Công ty Đông Bắc	975.109.502.087	1.070.001.220.280
<i>Mua hàng hóa và thuê dịch vụ</i>		
- Công ty Xây dựng Công nghiệp Mỏ - Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	137.594.046.071	148.993.112.800
- Trung Tâm Giám định – Chi nhánh Tổng Công ty Đông Bắc	2.139.654.202	2.241.658.327
- Tổng Công ty Đông Bắc	92.839.335.587	140.842.486.383

Số dư với các bên liên quan

	Năm 2025	Năm 2024
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>		
- Tổng Công ty Đông Bắc	-	44.239.743.154
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>		
- Tổng Công ty Đông Bắc	6.892.565.727	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***30.2 THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị	937.585.943	742.581.757
Ông Đỗ Đình Kỳ Chủ tịch	769.585.943	580.581.757
Ông Kiều Văn Sính Thành viên	42.000.000	40.500.000
Ông Phạm Xuân Huyền Thành viên	42.000.000	40.500.000
Ông Văn Trung Tuyển Thành viên	42.000.000	40.500.000
Bà Trần Thị Thu Hương Thành viên	42.000.000	40.500.000
Thu nhập của các thành viên Ban Kiểm soát	549.833.143	434.844.442
Ông Bùi Quang Hưng Trưởng ban	471.833.143	362.844.442
Ông Nguyễn Đình Luân Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	8.000.000	16.000.000
Ông Trần Tiến Trung Người phụ trách quản trị kiêm thư ký	30.000.000	28.500.000
Ông Mai Xuân Trường Thành viên	24.000.000	22.500.000
Ông Nguyễn Quách Tùng Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/4/2024)	-	5.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 18/4/2025)	16.000.000	-
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.630.463.864	2.393.646.383
Ông Kiều Văn Sính Giám đốc	800.195.760	616.099.318
Ông Phạm Xuân Huyền Phó Giám đốc	653.441.548	514.667.542
Ông Trần Văn Kiên Phó Giám đốc (Điều động ngày 20/02/2024)	584.801.004	504.886.249
Ông Phan Đức Trung Phó Giám đốc	592.025.552	447.591.025
Ông Đỗ Quang Thái Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/03/2024)	-	151.664.589
Ông Phạm Hồng Sơn Phó Giám đốc (Chuyển ngày 20/02/2024)	-	158.737.660
Cộng	4.117.882.950	3.571.072.582



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Quảng Ninh, Ngày 19 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Đoàn Trung Kiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Thuận

Giám đốc



Kiều Văn Sính

ARIN